

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 107/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với lao động Việt Nam
làm việc cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức
nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Mức lương tối thiểu vùng

Mức lương tối thiểu vùng để trả công đối với lao động Việt Nam làm công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) theo vùng như sau:

1. Mức 1.550.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng I.
2. Mức 1.350.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng II.
3. Mức 1.170.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng III.
4. Mức 1.100.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc vùng IV.

Điều 2. Địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng được quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 3. Áp dụng mức lương tối thiểu vùng

1. Mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 1 Nghị định này được dùng làm căn cứ tính các mức lương trong thang lương, bảng lương, các loại phụ cấp lương, tính các mức lương ghi trong hợp đồng lao động, thực hiện các chế độ khác do doanh nghiệp xây dựng và ban hành theo thẩm quyền do pháp luật lao động quy định.

2. Mức tiền lương thấp nhất trả cho người lao động đã qua học nghề (kể cả lao động do doanh nghiệp tự dạy nghề) phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 1 Nghị định này.

3. Khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện mức lương tối thiểu cao hơn mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 1 Nghị định này.

4. Căn cứ mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 1 Nghị định này, doanh nghiệp điều chỉnh lại tiền lương trong hợp đồng lao động cho phù hợp.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tuyên truyền, phổ biến đến người lao động, người sử dụng lao động và kiểm tra, giám sát việc thực hiện mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Mức lương tối thiểu vùng quy định tại Điều 1 Nghị định này được áp dụng như sau:

a) Các địa bàn quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

b) Các địa bàn được điều chỉnh vùng áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

2. Bãi bỏ Nghị định số 98/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với lao động Việt Nam làm việc cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, doanh nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.:

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế NN, Tổng công ty 91;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).Q. **320**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục I

DANH MỤC ĐỊA BÀN ÁP DỤNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2011

(Ban hành kèm theo Nghị định số 107/2010/NĐ-CP

ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ)

1. Vùng I, gồm các địa bàn:

- Các quận thuộc thành phố Hà Nội;
- Các quận thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

2. Vùng II, gồm các địa bàn:

- Các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm, Thường Tín, Hoài Đức, Đan Phượng, Thạch Thất, Quốc Oai, Mê Linh, Chương Mỹ và thị xã Sơn Tây thuộc thành phố Hà Nội;
- Các quận và các huyện Thủy Nguyên, An Dương, An Lão, Vĩnh Bảo thuộc thành phố Hải Phòng;
- Thành phố Hải Dương thuộc tỉnh Hải Dương;
- Thành phố Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên và huyện Bình Xuyên thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;
- Thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn và các huyện Quế Võ, Tiên Du, Yên Phong thuộc tỉnh Bắc Ninh;
- Các thành phố Hạ Long, Móng Cái thuộc tỉnh Quảng Ninh;
- Thành phố Thái Nguyên thuộc tỉnh Thái Nguyên;
- Thành phố Việt Trì thuộc tỉnh Phú Thọ;
- Thành phố Ninh Bình thuộc tỉnh Ninh Bình;
- Thành phố Huế thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các quận, huyện thuộc thành phố Đà Nẵng;
- Thành phố Nha Trang và thị xã Cam Ranh thuộc tỉnh Khánh Hòa;
- Các thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng;
- Thành phố Phan Thiết thuộc tỉnh Bình Thuận;
- Các huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh;
- Thành phố Biên Hoà, thị xã Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom thuộc tỉnh Đồng Nai;

- Thị xã Thủ Dầu Một và các huyện Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên thuộc tỉnh Bình Dương;

- Thành phố Vũng Tàu, thị xã Bà Rịa và huyện Tân Thành thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Thành phố Mỹ Tho thuộc tỉnh Tiền Giang;

- Các quận thuộc thành phố Cần Thơ;

- Thành phố Rạch Giá thuộc tỉnh Kiên Giang;

- Thành phố Long Xuyên thuộc tỉnh An Giang;

- Thành phố Cà Mau thuộc tỉnh Cà Mau.

3. Vùng III, gồm các địa bàn:

- Các thành phố trực thuộc tỉnh còn lại (trừ các thành phố trực thuộc tỉnh nêu tại vùng II);

- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hà Nội;

- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hải Phòng;

- Thị Xã Chí Linh và các huyện Cẩm Giàng, Nam Sách, Kim Thành, Kinh Môn, Gia Lộc, Bình Giang, Tứ Kỳ thuộc tỉnh Hải Dương;

- Các huyện Yên Lạc, Vĩnh Tường, Tam Đảo, Tam Dương, Lập Thạch, Sông Lô thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;

- Các huyện Phù Ninh, Lâm Thao thuộc tỉnh Phú Thọ;

- Các huyện Gia Bình, Thuận Thành, Lương Tài thuộc tỉnh Bắc Ninh;

- Các huyện Việt Yên, Yên Dũng, Hiệp Hoà thuộc tỉnh Bắc Giang;

- Các thị xã Uông Bí, Cẩm Phả và các huyện Hoành Bồ, Đông Triều thuộc tỉnh Quảng Ninh;

- Các huyện Mỹ Hào, Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ thuộc tỉnh Hưng Yên;

- Thị xã Sông Công và các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Phú Lương, Đông Hỷ, Đại Từ thuộc tỉnh Thái Nguyên;

- Huyện Mỹ Lộc thuộc tỉnh Nam Định;

- Các huyện Duy Tiên, Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nam;

- Thị xã Tam Điệp và các huyện Gia Viễn, Yên Khánh, Hoa Lư thuộc tỉnh Ninh Bình;

- Thị xã Bỉm Sơn và huyện Tĩnh Gia thuộc tỉnh Thanh Hoá;

- Huyện Kỳ Anh thuộc tỉnh Hà Tĩnh;

- Thị xã Hương Thủy và các huyện Hương Trà, Phú Lộc, Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các huyện Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Núi Thành thuộc tỉnh Quảng Nam;
- Các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh thuộc tỉnh Quảng Ngãi;
- Thị xã Sông Cầu thuộc tỉnh Phú Yên;
- Các huyện Cam Lâm, Diên Khánh, Ninh Hoà, Vạn Ninh thuộc tỉnh Khánh Hoà;
- Các huyện Ninh Hải, Thuận Bắc thuộc tỉnh Ninh Thuận;
- Các huyện Đức Trọng, Di Linh thuộc tỉnh Lâm Đồng;
- Thị xã La Gi và các huyện Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam thuộc tỉnh Bình Thuận;
- Các huyện Trảng Bàng, Gò Dầu thuộc tỉnh Tây Ninh;
- Các thị xã Đồng Xoài, Phước Long, Bình Long và các huyện Chơn Thành, Đồng Phú thuộc tỉnh Bình Phước;
- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Đồng Nai;
- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Bình Dương;
- Các huyện Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc, Châu Đức, Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Các huyện Thủ Thừa, Đức Hoà, Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An;
- Thị xã Gò Công và huyện Châu Thành thuộc tỉnh Tiền Giang;
- Huyện Châu Thành thuộc tỉnh Bến Tre;
- Các huyện Bình Minh, Long Hồ thuộc tỉnh Vĩnh Long;
- Các huyện thuộc thành phố Cần Thơ;
- Thị xã Hà Tiên và các huyện Kiên Lương, Phú Quốc, Kiên Hải, Giang Thành, Châu Thành thuộc tỉnh Kiên Giang;
- Các thị xã Châu Đốc, Tân Châu thuộc tỉnh An Giang;
- Thị xã Ngã Bảy và các huyện Châu Thành, Châu Thành A thuộc tỉnh Hậu Giang;
- Các huyện Năm Căn, Cái Nước, U Minh, Trần Văn Thời thuộc tỉnh Cà Mau.

4. Vùng IV, gồm các địa bàn còn lại./.



Phụ lục II
ĐANH MỤC ĐỊA BÀN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH ÁP DỤNG MỨC LƯƠNG
TỐI THIỂU VÙNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2011
(Ban hành kèm theo Nghị định số 107/2010/NĐ-CP
ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ)

1. Vùng I, gồm các địa bàn:

- Các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè thuộc thành phố Hồ Chí Minh;
- Thành phố Biên Hoà và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom thuộc tỉnh Đồng Nai;
- Thị xã Thủ Dầu Một và các huyện Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên thuộc tỉnh Bình Dương;
- Thành phố Vũng Tàu thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Vùng II, gồm các địa bàn:

- Các huyện Định Quán, Xuân Lộc thuộc tỉnh Đồng Nai;
- Các huyện Phú Giáo, Dầu Tiếng thuộc tỉnh Bình Dương;
- Thành phố Tân An và các huyện Đức Hoà, Bến Lức, Cần Đức, Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An.

3. Vùng III, gồm các địa bàn: các huyện Thủ Thừa, Đức Huệ, Châu Thành, Tân Trụ thuộc tỉnh Long An./.